TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 16-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thành Đức,

Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1981 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Trương Thị T, sinh năm 1961; có vợ là Đinh Thị A, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Tại bản án số 17/2010/HS-ST ngày 10/02/2010, Tòa án nhân dân Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt T 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 (chưa được xóa án tích); tại bản án số 70/2013/HSST ngày 26/9/2013, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt T 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999 (chưa được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 02/11/2017 đến ngày 08/11/2017 chuyển tạm giam đến nay, có mặt;

2. Phùng Văn K, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1998 tại Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 6, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn

giáo: Không; con ông Phùng Văn T, sinh năm 1970 và bà Tạ Thị A, sinh năm 1972; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 02/11/2017 đến ngày 08/11/2017 chuyển tạm giam đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên khoảng 16 giờ ngày 02/11/2017, Phùng Văn K rủ Phạm Văn T đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. K đi xe máy của T, chở T đến khu vực đường tàu thuộc Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng mua ma túy của một người đàn ông không quen biết, ma túy được đựng trong các túi nilon với giá 470.000 đồng. K đưa ma túy cho T cất giấu rồi T chở K về huyện Tiên Lãng chơi. Đến khoảng 19 giờ 25 phút cùng ngày, khi T và K đi đến khu vực cầu Đen thuộc khu 4, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng thì bị lực lượng Công an huyện Tiên Lãng kiểm tra, bắt quả tang thu giữ tại túi quần bên phải của T 01 túi nilon bên trong có 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, 01 xe máy, 01 điện thoại OPPO và số tiền 1.000.000 đồng của T, thu giữ 01 điện thoại Q-mobile và 5.014.000 đồng của K.

Công an huyện Tiên Lãng đã trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng ma túy thu giữ của K. Tại Kết luận giám định số 1095/KLGĐ ngày 05/11/2017, Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: *"Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 2,2171 gam, là loại Methamphetamine"*.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 08/02/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng đã truy tố Phạm Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249; truy tố Phùng Văn K về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Phùng Văn K và Phạm Văn T đều khai nhận: Do nghiện ma túy nên K rủ T đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Ngày 02/11/2017, K dùng xe máy chở T đến khu vực đường tàu thuộc Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, K mua được ma túy (đựng trong các túi nilon, với giá 470.000 đồng) của một người đàn ông không quen biết, rồi đưa cho T cất giữ. Khi đi đến khu vực cầu Đen, thuộc khu 4, thị trấn Tiên Lãng thì K và T bị Công an huyện Tiên Lãng kiểm tra, bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: 01 túi nilon bên trong có 02 túi nilon chứa ma túy để trong túi quần bên phải của T, 01 xe máy, 02 điện thoại di động và 6.014.000 đồng của T và K.

Kiểm sát viên khẳng định: Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 08/02/2018, truy tố Phạm Văn T theo điểm o khoản 2 Điều 249 và truy tố Phùng Văn K theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vai trò, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Kiểm sát

viên đề nghị áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Phùng Văn K và Phạm Văn T; áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Phạm Văn T từ 05 đến 06 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Phùng Văn K từ 12 đến 18 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, phạt mỗi bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Văn T và Phùng Văn K phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và kết luận giám định. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận: Hành vi ngày 02/11/2017 của Phùng Văn K và Phạm Văn T cùng nhau đi mua ma túy; K mua được 2,2171 gam ma túy (loại Methamphetamine) đựng trong túi nilon của một người đàn ông không quen biết (ở khu vực đường tàu thuộc Quận Lê Chân, Hải Phòng) rồi đưa cho T cất giấu trong người với mục đích để cùng nhau sử dụng là đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, vi phạm Điều 194 BLHS năm 1999. Do bản án hình sự số 70/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã xác định hành vi phạm tội Cướp tài sản của T thuộc trường hợp tái phạm. Do vậy, hành vi phạm tội ngày 02/11/2017 của T bị coi là tái phạm nguy hiểm nên T phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999; còn Phùng Văn K phạm tội lần đầu nên với trọng lượng ma túy là 2,2171 gam Methamphetamine thì K chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999. Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, do hình phạt của khoản 1 và khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999 đều có khung hình phạt nặng hơn khoản 1 và khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với Phùng Văn K và áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với Phạm Văn T là phù hợp.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng số người nghiện trên địa bàn - nguồn gốc gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Xét thấy, vụ án tuy có đồng phạm nhưng giữa các đồng phạm không có sự bàn bạc, phân công, câu kết chặt nên đây là vụ án đồng phạm thông thường. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, K giữ vai trò tích cực hơn T, bởi lẽ K chủ động rủ T đi mua ma túy về sử dụng chung và trực tiếp mua ma túy, còn T là người cất giữ ma túy.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Phùng Văn K không có tiền sự, tiền án, phạm tội lần đầu; Phạm Văn T đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, các tiền án đã được áp dụng làm tình tiết định khung hình phạt nên không coi là tình tiết tăng nặng nữa nhưng cần thấy rằng, T có nhân thân xấu; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51. Phùng Văn K có ông nội và ông bà ngoại là người có công với nước (được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vai trò, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Xét thấy, cần áp dụng đối với Phạm Văn T hình phạt ở mức khởi điểm của khoản 2 Điều 249, còn đối với Phùng Văn K cần phải áp dụng hình phạt trên mức khởi điểm của khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thỏa đáng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS, phạt các bị cáo mỗi người 05 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về vật chứng: Số tiền 6.014.000 đồng và 02 chiếc điện thoại, cơ quan điều tra đã thu giữ của Phùng Văn K và Phạm Văn T đều là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo. Số ma túy thu giữ của các bị cáo (đã được niêm phong sau khi cơ quan giám định hoàn lại) thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu và tiêu hủy. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ 01 chiếc xe mô tô BKS 16M2-8310 mà các bị cáo đã sử dụng để đi mua ma túy. Tuy nhiên, đến nay chưa làm rõ được

nguồn gốc của chiếc xe này nên cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý sau là có căn cứ pháp luật.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2016/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ vào khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điểm c khoản 1, điểm o khoản 2 và khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Phùng Văn K đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Tuyên phạt:

- Phạm Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/11/2017;

- Phùng Văn K 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/11/2017.

+ Hình phạt bổ sung: Phạt Phùng Văn K và Phạm Văn T mỗi bị cáo 05 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Trả lại Phạm Văn T 1.000.000 (một triệu) đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trả lại Phùng Văn K 5.014.000 (năm triệu không trăm mười bốn ngàn) đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile (Có đặc điểm như biên bản thu giữ đã được bàn giao tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng). Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 1095/PC54 (MT) bên trong chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Phùng Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Văn T, Phùng Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan THAHS huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Chi